

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-ST

Ngày: 19-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Xuân

Ông Đinh Xuân Hậu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình- Thư ký của Toà án nhân dân huyện Ba Tơ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Quang- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: LÊ VĂN D - Sinh ngày 15 tháng 8 năm 1978, tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Quê quán: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký tạm trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Công nhân (Công ty TNHH T); Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê S và bà Trần Thị M; Vợ: Trần Thị B và 02 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011); Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 09/02/2018 cho đến ngày 13/02/2018 được tại ngoại. (Có mặt).

2. Họ và tên: VÕ VĂN H- Sinh ngày 22 tháng 02 năm 1983, tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Quê quán: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký tạm trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Công nhân (Công ty TNHH T); Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Võ N và bà Bùi Thị D; Vợ Nguyễn Thị N và 02 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013); Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 09/02/2018 cho đến ngày 13/02/2018 được tại ngoại. (Có mặt).

3. Họ và tên: NGUYỄN VĂN H- Sinh ngày 22 tháng 01 năm 1992, tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Quê quán: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký tạm trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Công nhân (Công ty TNHH T); Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn L và bà: Lê Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 09/02/2018 cho đến ngày 13/02/2018 được tại ngoại. (Có mặt).

4. Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH T- Sinh ngày 23 tháng 3 năm 1992 tại: huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký thường trú: Xóm 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký tạm trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Công nhân (Công ty TNHH T); Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đình O và bà: Nguyễn Thị Xuân T; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 09/02/2018 cho đến ngày 13/02/2018 được tại ngoại. (Có mặt).

5. Họ và tên: PHẠM VĂN T- Sinh ngày 13 tháng 3 năm 1979 tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Quê quán: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Công nhân (Công ty TNHH T); Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Phú T và bà: Võ Thị T; Vợ: Cao Thị T và 02 con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 09/02/2018 cho đến ngày 13/02/2018 được tại ngoại. (Có mặt).

** Người làm chứng:*

1. Anh Bùi Văn M- Sinh năm 1971;
2. Anh Trần Văn Đ- Sinh năm 1992;
3. Anh Lê Văn N- Sinh năm 1970;
4. Anh Nguyễn Tài V- Sinh năm 1991;

Cùng tạm trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Anh Võ Hồng Q- Sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tất cả những người làm chứng đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 08/02/2018, Lê Văn D điện thoại cho Võ Văn H vào phòng ở tập thể nam cơ khí của Công ty chơi, Võ Văn H đồng ý; khi Võ Văn H về phòng, thì có Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Văn Đ, Võ Hồng Q, Nguyễn Tài V đều là nhân viên công ty TNHH T. Tại đây, Lê Văn D thấy có sẵn 07 con đồng vị, 01 cái chén, 01 cái đĩa, 52 lá bài tây của các tài xế xe chở Keo để lại, nên rủ nhau chơi đánh xóc đĩa ăn tiền nhưng chỉ có Võ Văn H và Nguyễn Văn H đồng ý, còn Trần Văn Đ, Võ Hồng Q, Nguyễn Tài V thì không tham gia chơi mà nằm ở giường. Khi chơi, Lê Văn D, Nguyễn Văn H và Võ Văn H quy ước cách thức chơi như sau: người cầm bầu (nhà cái) lấy 04 con đồng vị đặt trong 01 cái đĩa bằng sứ và sử dụng 01 chén bằng sứ úp lên rồi xóc nhiều lần để những người khác đặt chắn lẻ với hình thức: ba xấp một ngựa hoặc ba ngựa một xấp gọi là lẻ; còn hai xấp hai ngựa, bốn xấp hoặc bốn ngựa được gọi là chắn. Sau khi quy định cách thức chơi, Nguyễn Văn H là người cầm bầu (Nhà cái) cầm đĩa xóc, còn Lê Văn D và Võ Văn H thì đặt tiền ở cửa chắn hoặc lẻ, mỗi lần đặt thấp nhất là 10.000đ (Mười ngàn đồng), cao nhất là 100.000đ (một trăm ngàn đồng). Cả ba chơi được một lúc thì có Phạm Văn T và Nguyễn Đình T cũng là nhân viên Công ty vào cùng tham gia chơi.

Khi Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Võ Văn H, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T đánh bạc đến 23 giờ 30 cùng ngày thì bị Công an huyện Ba Tơ phát hiện bắt quả tang. Tại hiện trường thu giữ trên chiếu bạc với số tiền 7.250.000đ (Bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), 07 con đồng vị được làm từ con bài (bài tây) rô có hình tròn một mặt cắt có hình hoa văn màu xanh, 01 cái chén màu trắng bằng sứ, 01 cái đĩa có hình hoa văn lá cây màu xanh đỏ bằng sứ, 52 lá bài tây. Thu giữ trên người Nguyễn Văn H, Lê Văn D, Võ Văn H, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T là 17.600.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng), 03 điện thoại di động và 03 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô.

Ngày 13/02/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi trú ẩn đối với Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Võ Văn H, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T về Tội Đánh bạc theo khoản 01

Điều 321 Bộ luật hình sự với số tiền là 7.250.000đ (Bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) mà các đối tượng đã sử dụng để đánh bạc bị thu tại chiếu bạc. Còn đối với số tiền 17.600.000đ và 03 điện thoại di động và các giấy tờ tùy thân khác, qua điều tra, thu thập chứng cứ xác định các đối tượng không dùng vào mục đích đánh bạc. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ không xem xét trách nhiệm hình sự các bị cáo đối với số tiền 17.600.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng), 03 điện thoại di động và 03 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô.

Cáo trạng số 05/QĐ-VKS ngày 03 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã truy tố các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Võ Văn H, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T về tội “Đánh bạc” theo quy định khoản 01 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị mức phạt tiền đối với các bị cáo Lê Văn D từ 23.000.000đồng đến 26.000.000đồng; Nguyễn Văn H từ 23.000.000đồng đến 26.000.000đồng; Võ Văn H từ 23.000.000đồng đến 26.000.000đồng, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T từ 20.000.000đồng đến 23.000.000đồng. Về vật chứng đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 7.250.000 đồng, tịch thu tiêu hủy 07 con đồng vị được làm từ con bài (bài tây) rô có hình tròn một mặt cắt có hình hoa văn màu xanh, 01 cái chén màu trắng bằng sứ, 01 cái đĩa có hình hoa văn lá cây màu xanh đỏ bằng sứ và 52 lá bài tây; trả lại số tiền 17.600.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng), 03 điện thoại di động, 03 giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy thu giữ trên người của các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn D, Võ Văn H, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T cho các bị cáo quản lý, sử dụng và buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là chứng cứ buộc tội lẫn nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã mô tả và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như:

- Biên bản phạm tội quả tang và vật chứng thu giữ tại chiếu bạc.

- Lời khai của người làm chứng là các anh Bùi Văn M, anh Trần Văn Đ, anh Lê Văn N, anh Nguyễn Tài V, anh Võ Hồng Q

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào hồi 22 giờ 30 phút, ngày 08/02/2018 tại phòng ở tập thể nam cơ khí của Công ty TNHH T trụ sở đóng tại thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Tơ bắt quả tang Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Võ Văn H, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T đang đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Tổng số tiền thu giữ dưới chiếu bạc là 7.250.000 đồng. Hành vi sát phạt nhau bằng tiền của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Đánh bạc” tội phạm, hình phạt được quy định tại khoản 01 Điều 321 của Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội hiện nay đang có chiều hướng gia tăng, là mầm mống phát sinh một số loại tội phạm khác, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đã trực tiếp sát phạt nhau, chiếm đoạt tài sản của nhau một cách bất hợp pháp thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật, coi thường giá trị sức lao động của con người. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người dân lao động thuần túy, việc đánh bạc của các bị cáo chỉ là mang tính bộc phát, nhất thời, việc đánh bạc diễn ra trong khoảng thời gian ngắn. Xét tính chất của vụ án thì thấy đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là những đồng phạm thực hành. Tuy nhiên, trong vụ án này có nhiều bị cáo phạm tội

nên cần đánh giá, phân tích vai trò, hành vi phạm tội của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp.

Bị cáo Lê Văn D là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc, bị cáo Bùi Văn H là người cầm cái trong suốt quá trình đánh bạc, bị cáo H là người sử dụng số tiền lớn nhất để đánh bạc (bị cáo Lê Văn D sử dụng 1.150.000đ, bị cáo Nguyễn Văn H 1.200.000đ, bị cáo Võ Văn H khoảng 3.500.000đ, bị cáo Phạm Văn T 750.000đ, bị cáo Nguyễn Đình T 650.000đ) nên xếp bị cáo Lê Văn D, bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Võ Văn H có vai trò cao nhất và ngang nhau trong vụ án.

Bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Nguyễn Đình T là người đến sau và số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn so với các bị cáo khác nhưng hai bị cáo đã hưởng ứng tích cực nên hai bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Đình T có vai trò ngang nhau nên hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là ngang nhau và thấp hơn so với các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Võ Văn H.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- * Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- * Về tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn D, Võ Văn H, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Riêng đối với bị cáo Phạm Văn T có cha, mẹ đều được Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tặng huân chương hạng ba, ông nội là liệt sĩ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, phạm tội ít nghiêm trọng nên không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà chỉ cần áp dụng hình thức phạt tiền là hình phạt chính cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về xử lý vật chứng: đối với số tiền 7.250.000đ thu giữ trên chiếu bạc xét đây là tài sản mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung ngân sách nhà nước

Đối với 07 con đồng vị được làm từ con bài (bài tây) rô có hình tròn một mặt cắt có hình hoa văn màu xanh, 01 cái chén màu trắng bằng sứ, 01 cái đĩa có hình hoa văn lá cây màu xanh đỏ bằng sứ và 52 lá bài tây, xét đây là công cụ phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 17.600.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng), 03 điện thoại di động, 03 giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy thu giữ trên người của các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn D, Võ Văn H, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T qua điều tra chưa đủ chứng cứ xác định các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên áp dụng khoản 03 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho các bị cáo quản lý, sử dụng là phù hợp, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn D, Võ Văn H, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Võ Văn H, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 01 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Văn D 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 01 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 01 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Võ Văn H 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 01 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 01 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

3. Về vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 7.250.000 đồng (bảy triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo giấy ủy nhiệm chi ngày 07/5/2018).

- Tịch thu tiêu hủy 07 con đồng vị được làm từ con bài (bài tây) rô có hình tròn một mặt cắt có hình hoa văn màu xanh, 01 cái chén màu trắng bằng sứ, 01 cái đĩa có hình hoa văn lá cây màu xanh đỏ bằng sứ và 52 lá bài tây.

- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Văn H: 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng), 01 giấy chứng minh nhân dân số 212318898 mang tên Nguyễn Văn H, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu vàng đồng.

- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Đình T 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bị cáo Lê Văn D 850.000đ (Tám trăm năm mươi ngàn đồng), 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 006309 mang tên Lê Văn D, 01 giấy chứng minh nhân dân số 212286757 mang tên Lê Văn D, 01 điện thoại di động hiệu Masstel, model N540.

- Hoàn trả cho bị cáo Phạm Văn T 8.650.000đ (Tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), 01 điện thoại di động hiệu OPPO model A33W (Đã tháo sim).

- Hoàn trả cho bị cáo Võ Văn H 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng), 01 giấy chứng minh nhân dân số 212311076 mang tên Võ Văn H.

- Tiếp tục quản lý số tiền 17.600.000đ của các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Võ Văn H, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T để đảm bảo thi hành án, gồm:

Bị cáo Nguyễn Văn H: 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

Bị cáo Nguyễn Đình T 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo Lê Văn D 850.000đ (Tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị cáo Phạm Văn T 8.650.000đ (Tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị cáo Võ Văn H 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng).

(vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/5/2018 và biên lai thu tiền số 04807 ngày 07/5/2018).

4. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn D, Võ Văn H, Phạm Văn T và Nguyễn Đình T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: áp dụng Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND T. Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp T. Quảng Ngãi
- VKS H.Ba Tơ;
- THA DS H.Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
- (Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Ngoan